

**Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ
Prudential Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 45

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam ("Công ty") là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh mới nhất số 2138/GPĐC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 15GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08 tháng 09 năm 2011 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC9/KDBH ngày 19 tháng 03 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, dịch vụ tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo các quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Trung tâm Thương mại Sài Gòn, 37 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 17 chi nhánh, văn phòng, đại diện và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Ông Tan Thean Oon Dennis	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2022
Ông David Charles Thomson Stuart	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2024
Ông Cai Qiang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2025
Ông Conor Martin O'Neill	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2024
Ông Trần Quang Hoan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Kevin Joong Kwon	Tổng Giám đốc Điều hành	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2025
Ông Phương Tiến Minh	Tổng Giám đốc Điều hành	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025
Ông Conor Martin O'Neill	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2024
Bà Bùi Thị Thanh Thúy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2013
Ông Trần Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc Marketing	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2020
Ông Trần Lê Quốc Sơn	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2025
Ông Masatoshi Edo	Chuyên gia Tính toán	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2022
Bà Đào Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc Khối Tuân thủ, Pháp lý, Rủi ro	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2023
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc Giao dịch Bảo hiểm	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 09 năm 2023
Ông Manish Gurbuxani	Phó Tổng Giám đốc Chiến lược và Chuyển đổi Mô hình hoạt động	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2025
Ông Li Terry Hung Sun	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đối tác	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2025
Ông Hsu Chih Sheng	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kênh Đại lý	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thời kỳ</i>
Ông Phương Tiến Minh	Tổng Giám đốc Điều hành	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 06 tháng 02 năm 2025
Ông Conor Martin O'Neill	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (*)	Từ ngày 07 tháng 02 năm 2025
Ông Kevin Joong Kwon	Tổng Giám đốc Điều hành (*)	Từ ngày 03 tháng 07 năm 2025

(*) Ông Kevin Joong Kwon, Tổng Giám đốc Điều hành là người đại diện theo pháp luật thứ nhất, Ông Conor Martin O'Neill, Phó Tổng Giám đốc Tài chính là người đại diện theo pháp luật thứ hai.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ một cách trung thực và hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 ("Thông tư 67").

Thay mặt Ban Giám đốc:


Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu B01a – DNNT

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		54.334.766	51.152.217
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.544.777	6.505.158
1. Tiền	111		3.264.140	3.224.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.280.637	3.281.157
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	39.648.169	36.022.904
1. Đầu tư ngắn hạn	121		39.648.169	36.022.904
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.015.470	8.570.840
1. Phải thu của khách hàng	131		2.075.832	2.748.277
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	2.075.737	2.748.197
1.2 Phải thu khác của khách hàng	131.2		95	80
2. Trả trước cho người bán	132		55.188	39.870
3. Các khoản phải thu khác	135	7	4.919.907	5.842.344
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(35.457)	(59.651)
IV. Hàng tồn kho	140		13.317	8.731
1. Hàng tồn kho	141		13.317	8.731
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		113.033	44.584
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.948	44.578
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	4	6
3. Thuế phải thu từ Nhà Nước	154	15(a)	79.081	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		138.172.682	137.898.820
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		184.051	183.206
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	184.051	183.206
1.1 Ký quỹ bảo hiểm	218.1		26.000	26.000
1.2 Phải thu dài hạn khác	218.2		158.051	157.206
II. Tài sản cố định	220		418.169	481.716
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	87.952	105.851
Nguyên giá	222		400.650	393.120
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(312.698)	(287.269)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	224.557	254.728
Nguyên giá	228		781.556	736.486
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(556.999)	(481.758)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	105.660	121.137
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	129.227.346	128.928.238
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000	25.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		129.202.346	128.903.238
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.343.116	8.305.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	7.894.195	7.949.927
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29.3	448.921	355.733
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		192.507.448	189.051.037

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu B01a – DNNT

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		165.455.912	162.677.899
I. Nợ ngắn hạn	310		11.758.850	11.815.808
1. Phải trả cho người bán	312		8.838.506	8.772.887
1.1 Phải trả về hoạt động bảo hiểm	312.1	14	8.755.439	8.559.447
1.2 Phải trả khác cho người bán	312.2		83.067	213.440
2. Thuế phải nộp Nhà nước	314	15(b)	13.886	301.102
3. Phải trả người lao động	315		106.561	231.865
4. Chi phí phải trả	316	16	2.220.391	1.755.263
5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	17	579.506	754.691
Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.1		201.376	204.241
II. Nợ dài hạn	330		153.697.062	150.862.091
1. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	24.510	23.577
2. Dự phòng nghiệp vụ	344	19	153.672.552	150.838.514
2.1 Dự phòng toán học	344.1		130.546.128	130.927.587
2.2 Dự phòng phí chưa được hưởng	344.2		461.691	530.983
2.3 Dự phòng bồi thường	344.3		2.859.323	2.839.298
2.4 Dự phòng chia lãi	344.4		19.349.824	16.118.215
2.5 Dự phòng bảo đảm cân đối	344.5		326.643	318.445
2.6 Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	344.7		128.943	103.986
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		27.051.536	26.373.138
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	27.051.536	26.373.138
1. Vốn góp	411		7.697.750	7.697.750
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		769.775	769.775
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.584.011	17.905.613
3.1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.905.613	15.298.398
3.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		678.398	2.607.215
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		192.507.448	189.051.037

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu B01a – DNNT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
1. Ngoại tệ (USD & GBP)		1.519	7.197
2. Hợp đồng thuê hoạt động	31	290.381	364.159

Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng



Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B02a – DNNT

PHẦN 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	9.575.990	10.967.841
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	4.220.650	6.508.258
3. Thu nhập khác	13	2.238	2.972
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	10.407.343	12.640.206
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	325.004	321.394
6. Chi phí bán hàng	23	953.699	2.117.207
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.301.221	1.304.007
8. Chi phí khác	25	6	4.269
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24 - 25)	50	811.605	1.091.988
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	226.395	331.439
11. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	(93.188)	(155.320)
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	678.398	915.869

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B02a – DNNT
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

PHẦN 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 - 01.3)	01	21	9.851.383	11.247.143
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		9.782.091	11.143.713
- Giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	01.3		(69.292)	(103.430)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02	22	280.970	286.033
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		9.570.413	10.961.110
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04		5.577	6.731
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		9.575.990	10.967.841
6. Chi bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác	11	23	7.410.280	6.831.917
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	23	254.317	184.115
8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13		2.903.330	5.232.627
9. Tổng chi bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác (15 = 11 - 12 + 13)	15	23	10.059.293	11.880.429
10. Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác (16 = 16.1 + 16.2)	16	24	348.050	759.777
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	16.1		334.455	744.571
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16.2		13.595	15.206
11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)	17		10.407.343	12.640.206
12. Lỗ gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 - 17)	18		(831.353)	(1.672.365)
13. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	4.220.650	6.508.258
14. Chi phí hoạt động tài chính	23	26	325.004	321.394

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B02a – DNNT
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

PHẦN 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
15. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (24 = 22 - 23)	24		3.895.646	6.186.864
16. Chi phí bán hàng	25	27	953.699	2.117.207
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	1.301.221	1.304.007
18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 - 25 - 26)	30		809.373	1.093.285
19. Thu nhập khác	31		2.238	2.972
20. Chi phí khác	32		6	4.269
21. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		2.232	(1.297)
22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		811.605	1.091.988
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29.1	226.395	331.439
24. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	29.3	(93.188)	(155.320)
25. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		678.398	915.869

Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng



Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03a – DNNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		811.605	1.091.988
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao và phân bổ	02	9,10	101.508	94.814
Các khoản dự phòng	03		2.811.559	5.134.879
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.584	3.690
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.224.297)	(6.511.205)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(496.041)	(185.834)
Giảm các khoản phải thu	09		705.296	867.452
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.586)	10.982
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		260.033	(1.526.818)
Giảm chi phí trả trước	12		66.362	74.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(547.875)	(546.945)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.811)	(1.306.847)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	9,10	(38.190)	(40.442)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		597	96
Tiền chi tạm ứng cho chủ hợp đồng, mua các công cụ nợ	23		(5.275.795)	(7.846.142)
Tiền thu hồi tạm ứng cho chủ hợp đồng, bán lại các công cụ nợ	24		5.519.846	5.038.079
Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng và mua chứng khoán vốn	25		(21.713.764)	(16.285.722)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và bán chứng khoán vốn	26		17.375.737	14.949.043
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.187.876	4.283.773
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.056.307	98.685
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ vốn góp của nhà đầu tư	31		-	1.300.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	1.300.000

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03a – DNNT

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.039.496	91.838
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	6.505.158	6.376.826
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		123	(64)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	7.544.777	6.468.600



Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo



Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng




Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (“Công ty”) là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh mới nhất số 2138/GPĐC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 15GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08 tháng 09 năm 2011 và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC9/KDBH ngày 19 tháng 03 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, dịch vụ tái bảo hiểm và các hoạt động đầu tư khác theo các quy định hiện hành.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Trung tâm Thương mại Sài Gòn, 37 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 17 chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh trên khắp cả nước.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1.445 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.545 người).

Công ty có một công ty con như sau:

<i>Công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán.	100%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 08/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty con đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày phù hợp với Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp. Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị được đo lường theo giá trị hợp lý như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(ii).

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được làm tròn tới hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

(e) Hình thức sổ sách kế toán

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(a) Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản tương ứng của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (bao gồm quỹ chủ sở hữu, quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi, quỹ chủ hợp đồng không tham gia chia lãi, quỹ liên kết chung và quỹ hưu trí tự nguyện)

Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư này đại diện cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Những khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Sau thời điểm ghi nhận ban đầu, những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Chiết khấu và phụ trội phát sinh từ việc mua trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán vốn

Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên Sàn chứng khoán dành cho công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi giá thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường tăng sau khi dự phòng đã được ghi nhận và chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments phát hành, được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi giá thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường tăng sau khi dự phòng đã được ghi nhận và chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị

Công ty đã áp dụng các chính sách để ghi nhận và đo lường các khoản đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ chứng khoán ("Thông tư 98"). Công ty đã áp dụng các chính sách sau đây để ghi nhận và đo lường các khoản đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, tất cả các khoản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý và lãi và lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản đầu tư được ghi nhận là một phần của doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định tại ngày báo cáo như sau:

► Trái phiếu niêm yết:

Các trái phiếu này được định giá lại dựa trên giá niêm yết bình quân gia quyền (còn được gọi là "giá sạch") hoặc các điều khoản tương tự theo quy định của sở giao dịch chứng khoán trên nền tảng giao dịch mua bán thông thường vào ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo.

Nếu không có giao dịch nào trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày báo cáo thì giá trị hợp lý của trái phiếu là giá mua tại ngày báo cáo do các bên định giá độc lập cung cấp. Trong trường hợp không có báo giá thị trường hiện tại, trái phiếu niêm yết được định giá lại theo giá trị sau theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá giao dịch cuối cùng được sử dụng trong lần định giá trước đó được giữ nguyên cho đến khi có giá giao dịch mới hoặc giá được định giá bởi bên định giá cung cấp. Giá cũ này phải được theo dõi và sử dụng theo chính sách Giá cũ;
- Mệnh giá;
- Giá mua;
- Giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá phù hợp đã được chấp thuận bởi Ủy ban Định giá Nội bộ của Công ty.

► Trái phiếu chưa niêm yết:

Trái phiếu chưa niêm yết là trái phiếu không được giao dịch trên các sàn giao dịch đã được công nhận. Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết tại ngày báo cáo được xác định bằng cách sử dụng giá sạch do các bên định giá độc lập cung cấp.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Các khoản đầu tư từ quỹ liên kết đơn vị (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định tại ngày báo cáo như sau: (tiếp theo)

► Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UpCom:

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết (được niêm yết trên HOSE hoặc HNX) và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UpCom là giá đóng cửa trên HOSE hoặc HNX hoặc UpCom tại ngày giao dịch gần nhất cho đến ngày báo cáo. Nếu không có giá thị trường trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày báo cáo, giá trị hợp lý sẽ được xác định theo thứ tự sau đây:

- Giá mới nhất hiện có (giá cũ) được sử dụng trong lần định giá trước đó và không quá 90 ngày;
- Giá trị sổ sách được xác định theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;
- Giá mua;
- Giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá phù hợp đã được chấp thuận bởi Ủy ban Định giá Nội bộ của Công ty.

► Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi:

Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc.

(iii) Các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm

Các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận theo giá gốc.

(iv) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ của Công ty.

(v) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(v) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích dự} \\ \text{phòng giảm giá} \\ \text{đầu tư chứng} \\ \text{khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị khoản đầu} \\ \text{tư chứng khoán} \\ \text{đang hạch toán} \\ \text{trên sổ kế toán của} \\ \text{doanh nghiệp tại} \\ \text{thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính riêng} \\ \text{giữa niên độ} \end{array} - \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoán doanh} \\ \text{nghiệp đang sở} \\ \text{hữu tại thời điểm} \\ \text{lập báo cáo tài} \\ \text{chính riêng giữa} \\ \text{niên độ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực} \\ \text{tế trên thị} \\ \text{trường} \end{array} \right)$$

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch tại UpCom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động bảo hiểm và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(f) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nâng cấp tài sản thuê	3 năm
- Đồ đạc và thiết bị văn phòng	4 - 6 năm
- Phương tiện vận chuyển	6 năm

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 8 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và phần mềm chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần hàng năm vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ:

▶ Tiền thuê văn phòng trả trước;

▶ Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng;

Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng theo thỏa thuận phân phối với ngân hàng thương mại được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ dựa trên tỷ lệ giữa doanh số kế hoạch dự kiến từng năm so với tổng doanh số kế hoạch trong thời hạn hiệu lực của thỏa thuận phân phối.

▶ Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị, quảng bá;

Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị, quảng bá theo thỏa thuận phân phối với ngân hàng thương mại được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ hàng tháng căn cứ theo điều kiện, điều khoản trong các hợp đồng phân phối.

(j) Phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác

Các khoản phải trả hoạt động bảo hiểm và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Lợi ích của nhân viên

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản Trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(k) Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp ốm đau, nghỉ hưu và thai sản

Trợ cấp nghỉ hưu, ốm đau và thai sản được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Công ty khi nghỉ hưu hoặc ốm đau, thai sản. Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội theo quy định.

Trợ cấp thất nghiệp

Theo quy định Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

(l) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bao gồm:

- (i) Dự phòng toán học
- (ii) Dự phòng phí chưa được hưởng
- (iii) Dự phòng bồi thường
- (iv) Dự phòng chia lãi
- (v) Dự phòng bảo đảm cân đối
- (vi) Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định của Thông tư 67 hướng dẫn thực hiện Nghị định 46 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Công văn số 16349/BTC-QLBH ngày 27 tháng 12 năm 2018 do Bộ Tài Chính ban hành.

Chính sách kế toán cho dự phòng nghiệp vụ như sau:

(i) Dự phòng toán học

Dự phòng toán học được trích lập cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm (ngoại trừ các hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư và hợp đồng bảo hiểm hưu trí), được tính bằng cách sử dụng các kỹ thuật tính phí theo phương pháp phí bảo hiểm thuần được chấp nhận rộng rãi. Việc xác định lãi suất kỹ thuật và dự phòng cho mức tử vong được ấn định tại một mức thận trọng và đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

► *Đối với các sản phẩm truyền thống*

Đối với các sản phẩm truyền thống với mức điều chỉnh hệ số Zillmer là 3%, phí bảo hiểm thuần được sử dụng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thực tế thu được.

Lãi suất kỹ thuật tối đa không thể vượt quá:

- 80% lãi suất bình quân của trái phiếu chính phủ có kỳ thời hạn từ 10 năm trở lên được phát hành trong vòng 24 tháng cho đến ngày báo cáo;
- tỷ suất đầu tư bình quân của 4 (bốn) quý liền kề trước đó của doanh nghiệp bảo hiểm; và
- lãi suất tính phí của từng sản phẩm bảo hiểm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(I) Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(i) Dự phòng toán học (tiếp theo)

► Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung:

- (i) dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung được tính theo một trong các phương pháp sau: Tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cộng với khoản dự phòng nhằm đảm bảo cho việc chi trả giá trị tài khoản đối với các hợp đồng dự kiến xảy ra sự kiện bảo hiểm trong kỳ; Giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(i);
cộng
- (ii) dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết;
cộng
- (iii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là tổng số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng, thường duy trì hợp đồng và thưởng tri ân khách hàng.

► Đối với các hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị:

- (i) giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(ii);
cộng
- (ii) phí bảo hiểm chưa phân bổ;
cộng
- (iii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng.

► Đối với các hợp đồng bảo hiểm hưu trí:

- (i) giá trị của các khoản đầu tư phân bổ cho chủ hợp đồng bảo hiểm như được trình bày tại Thuyết minh 3(d)(i);
cộng
- (ii) dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng được tính theo phương pháp dòng tiền và mức dự phòng được tính theo phương pháp phí chưa được hưởng.

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8 hoặc 1/24 theo phương pháp dự phòng trong Cơ sở kỹ thuật của từng sản phẩm đã được phê duyệt.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường.

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết được ước tính cho các trường hợp bồi thường đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết tại ngày báo cáo. Dự phòng bồi thường cũng bao gồm các dự phòng bồi thường khác (như dự phòng cho các hợp đồng đang được miễn thu phí, đang được trả quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng cho các hợp đồng giáo dục mà bên mua bảo hiểm đã tử vong (bao gồm các sản phẩm Phú – An Gia Thành Tài, Phú – Đăng Khoa Thành Tài, Pru-Tương Lai Tươi Sáng, dự phòng cho việc hủy hợp đồng khi đang trong giai đoạn cân nhắc).

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(I) Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(iii) Dự phòng bồi thường (tiếp theo)

- Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo ("IBNR") là các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc chưa yêu cầu bồi thường tại ngày báo cáo. Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo được áp dụng cho các hợp đồng có thời hạn ít hơn một (01) năm và tái tục hàng năm theo Thông tư 67. Dự phòng bồi thường IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% của trung bình phí bảo hiểm quy năm cho 12 tháng của các hợp đồng còn hiệu lực theo Công văn số 917/BTC-QLBH ngày 17 tháng 1 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành và tỷ lệ 3% của doanh thu phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng cho các sản phẩm sức khỏe theo cơ sở kỹ thuật của sản phẩm đã được phê duyệt.

(iv) Dự phòng chia lãi

Theo Thông tư 67, Điều 39 dự phòng chia lãi chỉ áp dụng cho các hợp đồng tham gia chia lãi, bao gồm dự phòng cho phần lãi đã công bố và dự phòng cho phần lãi chưa công bố được sử dụng cho mục đích chia thêm lãi cho chủ hợp đồng trong tương lai, trong đó:

- Dự phòng chia lãi đã công bố bằng giá trị hiện tại của tổng các khoản bảo tức tích lũy đã công bố tính đến năm tài chính hiện hành, với cơ sở trích lập áp dụng tương tự như cơ sở trích lập dự phòng toán học.
- Dự phòng cho phần lãi chưa công bố (UPR) được sử dụng cho mục đích chia thêm lãi cho chủ hợp đồng trong tương lai. Dự phòng cho phần lãi chưa công bố = Dự phòng cho phần lãi năm trước + Dự phòng cho phần lãi năm nay - Lãi đã thanh toán trong năm.

Việc trích lập dự phòng cho phần lãi chưa công bố phải đảm bảo nguyên tắc:

- Mức trích lập hàng năm của dự phòng này không được vượt quá 10% tổng thặng dư của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi phát sinh trong năm đó; và
- Tổng giá trị của dự phòng cho phần lãi chưa công bố tại mọi thời điểm không được vượt quá 0,5% nhân với thời hạn còn lại trung bình của các hợp đồng có tham gia chia lãi nhân với tổng mức trách nhiệm của quỹ chủ hợp đồng có tham gia chia lãi tại thời điểm đó.

(v) Dự phòng bảo đảm cân đối

Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập hàng năm tương ứng với 1% lợi nhuận trước thuế cho đến khi số dư của khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính.

(vi) Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết là khoản dự phòng cho các trường hợp khi tỷ lệ hoàn vốn đầu tư của Công ty thấp hơn mức lãi suất cam kết cho các chủ hợp đồng như được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được thiết lập ở mức chênh lệch giữa thu nhập đầu tư thực tế của Công ty và thu nhập đầu tư theo lãi suất đã cam kết với các chủ hợp đồng theo quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được trích lập theo phương pháp phù hợp với Công Văn 16349.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(n) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định 46/2023/NĐ-CP và Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn chủ sở hữu và bảo đảm khả năng thanh toán.

(o) Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính chưa hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

► Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(o) Công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Tài sản tài chính (tiếp theo)

► Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

► Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(iii) Giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210/2009/TT-BTC không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá (ngoại trừ các công cụ tài chính từ quỹ liên kết đơn vị, giá trị sau ghi nhận ban đầu được xác định theo giá trị hợp lý và lãi và lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản đầu tư được ghi nhận là một phần của thu nhập tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm). Phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm đã đến hạn nộp phí nhưng chưa thu được, trừ phí bảo hiểm không bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị được ghi nhận khi Công ty nhận được, và không bao gồm phí bảo hiểm trả trước hạn.

Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm được hủy bỏ và cần thiết phải hoàn trả phí bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh.

(r) Hoạt động tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Các khoản có thể thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính phù hợp với các khoản bồi thường đã trả phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm liên quan. Các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm không miễn trừ Công ty khỏi các nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

Tài sản hoặc công nợ tái bảo hiểm được ghi giảm khi các quyền theo hợp đồng bị hủy bỏ hoặc hết hiệu lực, hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho một bên khác.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(s) Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác

Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác bao gồm khoản chi trả đáo hạn, quyền lợi tiền mặt định kỳ, giá trị hoàn lại, chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và quyền lợi tử vong. Quyền lợi đáo hạn được ghi nhận như là chi phí tại ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi tiền mặt định kỳ được ghi nhận khi các khoản thanh toán định kỳ đến hạn thanh toán. Giá trị hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi thanh toán. Chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và quyền lợi tử vong được ghi nhận khi được phê duyệt.

(t) Doanh thu các hoạt động tài chính

(i) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại và trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức, lợi nhuận được chia của Công ty được xác lập trong thời gian nắm giữ chứng khoán. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(iv) Lãi/(lỗ) chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ liên kết đơn vị

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý với biến động của giá trị hợp lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(u) Chi phí khai thác bảo hiểm

Tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ từ việc phát hành hợp đồng bảo hiểm mới và gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận là một khoản chi phí khi phát sinh. Không có khoản chi phí khai thác bảo hiểm chờ phân bổ nào được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

(v) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a – DNNT
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan được đề cập tới bao gồm nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính chưa hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND</i>
Tiền		
<i>Tiền mặt</i>	2.304	1.966
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</i>	3.157.472	3.125.646
<i>Tiền đang chuyển</i>	104.364	96.389
Các khoản tương đương tiền (i)	4.280.637	3.281.157
	7.544.777	6.505.158

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị

- Chứng khoán niêm yết và chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UpCom
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm

Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị

- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm
- Chứng chỉ quỹ

Tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (i)

(i) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn phản ánh dự phòng giảm giá các chứng khoán đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị. Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trích lập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 26)	-	1.955
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 26)	-	-
Số cuối kỳ	-	(1.955)

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Mẫu B09a – DNNT
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng	2.075.737	2.748.197

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Lãi phải thu ngắn hạn	4.861.605	5.658.155
Phải thu từ các đại lý	54.220	62.396
Tạm ứng cho người lao động	1.423	1.173
Phải thu khác	2.659	120.620
	4.919.907	5.842.344

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên một năm	109.175	106.969
Ký quỹ cho hợp đồng thuê	41.894	44.167
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc (i)	26.000	26.000
Ký quỹ khác	6.982	6.070
	184.051	183.206

- (i) Ký quỹ bảo hiểm là khoản tiền ký quỹ được tính 2% trên vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP. Khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc không được phép rút ra cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc có sự chấp thuận trước bởi Bộ Tài chính. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội với số tiền là 26.000 triệu VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 26.000 triệu VND) được dùng làm khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Năng cấp tài sản thuê Triệu VND	Đồ đạc và thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	125.130	260.592	7.398	393.120
Mua trong kỳ	-	1.602	-	1.602
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	1.966	5.029	-	6.995
Thanh lý	-	(1.067)	-	(1.067)
Số cuối kỳ	127.096	266.156	7.398	400.650
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu kỳ	86.187	196.600	4.482	287.269
Khấu hao trong kỳ	11.976	13.767	524	26.267
Thanh lý	-	(838)	-	(838)
Số cuối kỳ	98.163	209.529	5.006	312.698
Giá trị còn lại				
Đầu kỳ	38.943	63.992	2.916	105.851
Cuối kỳ	28.933	56.627	2.392	87.952

Trong tài sản có định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 228.475 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 218.560 triệu VND)

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm vi tính</i> <i>Triệu VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	736.486
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (<i>Thuyết minh 11</i>)	45.070
Số cuối kỳ	781.556
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	481.758
Hao mòn trong kỳ	75.241
Số cuối kỳ	556.999
Giá trị còn lại	
Đầu kỳ	254.728
Cuối kỳ	224.557

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 354.149 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 290.209 triệu VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<i>Ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2025</i> <i>Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2024</i> <i>Triệu VND</i>
Số đầu kỳ	121.137	176.033
Tăng trong kỳ	36.588	100.218
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh 9</i>)	(6.995)	(23.688)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (<i>Thuyết minh 10</i>)	(45.070)	(131.426)
Số cuối kỳ	105.660	121.137

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty con
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Đầu tư dài hạn khác

- Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị (a)
- Trái phiếu Chính phủ
 - Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
 - Trái phiếu doanh nghiệp
 - Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi dài hạn (c)

Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị (b)

- Trái phiếu Chính phủ
- Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
- Trái phiếu đô thị
- Trái phiếu doanh nghiệp
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi dài hạn (c)

Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
Số lượng	Triệu VND	Số lượng	Triệu VND
	25.000		25.000
4.301.718	437.209	4.301.718	443.402
550.000	60.618	550.000	61.775
555.201	266.908	555.216	282.720
	596.969		602.653
594.874.935	65.339.339	595.374.935	65.592.770
59.720.000	6.125.522	59.720.000	6.139.131
8.600.000	882.704	8.600.000	884.492
6.474.423	17.539.500	6.463.715	17.631.500
	37.953.577		37.264.795
	129.227.346		128.928.238

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị

Theo quy định hiện hành, trước khi hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đầu tiên được giao kết, Công ty phải sử dụng một phần quỹ chủ sở hữu để hình thành các tài sản của quỹ liên kết đơn vị phù hợp với chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư và hạn mức đầu tư của từng quỹ liên kết đơn vị và phải bảo đảm giá trị của mỗi quỹ liên kết đơn vị không thấp hơn 50.000 triệu VND. Công ty được hưởng kết quả đầu tư tương ứng với số tiền đã đóng góp vào quỹ liên kết đơn vị. Công ty có thể được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu giá trị của từng quỹ liên kết đơn vị lớn hơn 50.000 triệu VND (gọi chung là quỹ mỗi). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng giá trị quỹ mỗi đã đóng góp và thu nhập đầu tư lũy kế là 306.324 triệu VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 300.227 triệu VND). Giá trị này bao gồm giá trị ban đầu của quỹ mỗi đóng góp bằng tài sản của quỹ chủ sở hữu đo lường theo giá trị hợp lý tại ngày 07 tháng 03 năm 2024 là 282.531 triệu VND để thành lập quỹ Prulink Tương Lai Xanh và Công ty đã chính thức chào bán quỹ PruLink Tương Lai Xanh cho các khách hàng mua sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị vào ngày 08 tháng 03 năm 2024.

(b) Các khoản đầu tư từ các quỹ khác quỹ liên kết đơn vị

Quỹ liên kết chung

Theo quy định hiện hành, Quỹ liên kết chung được thành lập trước khi hợp đồng bảo hiểm liên kết chung đầu tiên được giao kết và có tổng giá trị không thấp hơn 50.000 triệu VND. Công ty được hưởng phần kết quả đầu tư tương ứng với số tiền đã đóng góp vào việc thành lập quỹ này ("Quỹ mỗi") theo lãi suất công bố áp dụng cho các chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Công ty có thể được hoàn lại một phần hoặc toàn bộ số tiền đã đóng góp nếu vẫn đảm bảo tổng giá trị quỹ liên kết chung không thấp hơn 50.000 triệu VND.

Quỹ hưu trí tự nguyện

Theo quy định hiện hành, Công ty phải sử dụng quỹ chủ sở hữu đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện không thấp hơn 200.000 triệu VND và phải duy trì tối thiểu 200.000 triệu VND tại quỹ này. Công ty được hưởng phần lãi suất đầu tư đối với phần đóng góp này tương ứng với lãi suất đầu tư công bố của quỹ hưu trí tự nguyện. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng giá trị quỹ mỗi mà quỹ chủ sở hữu đã đóng góp và thu nhập đầu tư lũy kế là 282.020 triệu VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 279.636 triệu VND).

(c) Tiền gửi dài hạn và chứng chỉ tiền gửi

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc nhiều hơn một năm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng trả trước (i)	7.579.025	7.623.788
Ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị, quảng bá (ii)	247.735	248.020
Công cụ và dụng cụ	14.760	19.258
Chi phí trả trước dài hạn khác	52.675	58.861
	7.894.195	7.949.927

(i) Biến động phí phân phối sản phẩm qua kênh ngân hàng trả trước trong kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Số đầu kỳ	7.623.788	7.765.484
Biến động trong kỳ	-	(68.310)
Phân bổ trong kỳ	(44.763)	(73.386)
Số cuối kỳ	7.579.025	7.623.788

(ii) Biến động của ứng trước cho ngân hàng liên quan đến các hoạt động tiếp thị trong kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Số đầu kỳ	248.020	276.864
Phân bổ trong kỳ	(285)	(28.844)
Số cuối kỳ	247.735	248.020

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Quyền lợi tiền mặt định kỳ phải trả	6.065.488	5.740.375
Quyền lợi bảo hiểm phải trả vào ngày đáo hạn	1.238.106	1.109.820
Hoa hồng, thưởng và hỗ trợ phải trả cho đại lý	951.743	1.156.279
Phí nhượng tái bảo hiểm phải trả	221.335	255.918
Các khoản thưởng phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	126.816	125.402
Các khoản phải trả bồi thường đã phê duyệt	112.113	110.014
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	3.908	4.154
Phải trả khác	35.930	57.485
	8.755.439	8.559.447

15. THUẾ PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP TỪ NHÀ NƯỚC

a. Thuế phải thu từ nhà nước

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	79.081	-
Thuế giá trị gia tăng	4	6
	79.085	6

b. Thuế phải nộp cho Nhà nước

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	242.399
Thuế thu nhập cá nhân	11.417	42.553
Thuế giá trị gia tăng	-	16
Các loại thuế khác	2.469	16.134
	13.886	301.102

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Chi phí công nghệ thông tin	623.279	411.052
Chi phí thưởng và hỗ trợ đại lý	613.463	561.734
Chi phí tiếp thị	365.085	365.082
Chi phí nhân sự bao gồm các khoản phúc lợi cho nhân viên	263.233	168.379
Phí tư vấn và dịch vụ chuyên môn	169.316	64.270
Hội nghị và sự kiện	26.546	47.299
Chi phí khác	159.469	137.447
	2.220.391	1.755.263

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Các khoản phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn:		
- Phí bảo hiểm tạm thu	148.668	156.890
- Phí bảo hiểm nhận trước	52.708	47.351
Phải trả ngắn hạn khác:		
- Phải trả các công ty liên quan (i)	328.769	507.483
- Phải trả khác	49.361	42.967
	579.506	754.691

(i) Phải trả các công ty liên quan bao gồm:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Phải trả cho công ty con (*)		
- Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	83.992	84.736
Phải trả các công ty liên quan khác (**)		
- Prudential Corporation Holdings Limited	82.413	237.650
- Pulse Ecosystems Pte Ltd	128.822	118.730
- Prudential Service Singapore Pte Ltd	29.428	61.423
- Eastspring Investments (Singapore) Limited	2.977	2.897
- Prudential Investment Management Private Limited	1.137	-
- Prudential Assurance Co. Singapore (Pte) Ltd	-	2.047
	328.769	507.483

(*) Các khoản phải trả cho công ty con chủ yếu liên quan đến các khoản phí quản lý quỹ và phí dịch vụ, phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(**) Các khoản phải trả các công ty liên quan không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu. Các khoản phải trả chủ yếu là chi phí theo thỏa thuận dịch vụ của hệ thống Pulse và các phí dịch vụ khác.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Biến động của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Số đầu kỳ	23.577	25.539
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.715	2.802
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(782)	(4.764)
Số cuối kỳ	24.510	23.577

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND	Thay đổi dự phòng trong kỳ Triệu VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND
Dự phòng toán học (i)	130.927.587	(381.459)	130.546.128
Dự phòng phí chưa được hưởng	530.983	(69.292)	461.691
Dự phòng bồi thường	2.839.298	20.025	2.859.323
Dự phòng chia lãi	16.118.215	3.231.609	19.349.824
Dự phòng bảo đảm cân đối	318.445	8.198	326.643
Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	103.986	24.957	128.943
	150.838.514	2.834.038	153.672.552

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, dự phòng toán học bao gồm các khoản dự phòng phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm tương ứng với giá trị tài khoản như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND
Quỹ liên kết đơn vị – đầu tư	22.563.342	22.034.825
Quỹ liên kết chung – đầu tư	10.565.276	9.894.912
Quỹ hưu trí – đầu tư	2.312	2.184
	33.130.930	31.931.921

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

Vốn góp Triệu VND	Quỹ dự trữ bất buộc Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
7.697.750	769.775	17.905.613	26.373.138
-	-	678.398	678.398
7.697.750	769.775	18.584.011	27.051.536

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

Lợi nhuận thuần trong kỳ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>
Bảo hiểm liên kết đầu tư	5.439.103	5.936.811
Bảo hiểm hỗn hợp	3.174.200	4.009.510
Sản phẩm bổ trợ	837.341	913.621
Bảo hiểm sức khỏe	287.291	224.977
Bảo hiểm tử kỳ	140.566	218.049
Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	13.514	15.662
Bảo hiểm hưu trí	96	108
Phí bảo hiểm được hoàn lại	(110.020)	(175.025)
Phí bảo hiểm gốc	9.782.091	11.143.713
Giảm dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của bảo hiểm gốc (Thuyết minh 19)	69.292	103.430
	9.851.383	11.247.143

22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>
Bảo hiểm hỗn hợp	90.438	88.267
Bảo hiểm sức khỏe	77.583	80.441
Sản phẩm bổ trợ	72.748	74.644
Bảo hiểm liên kết đầu tư	34.021	36.473
Bảo hiểm tử kỳ	6.106	6.130
Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	74	78
	280.970	286.033

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM KHÁC

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Chi phí bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm khác	7.410.280	6.831.917
Trong đó:		
- Bảo hiểm hỗn hợp	3.960.670	3.565.089
- Bảo hiểm liên kết đầu tư	2.949.415	2.874.536
- Sản phẩm bổ trợ	215.941	219.032
- Bảo hiểm sức khỏe	122.249	104.417
- Bảo hiểm nhân thọ trọn đời	114.155	41.153
- Bảo hiểm tử kỳ	47.850	27.690
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(254.317)	(184.115)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	2.903.330	5.232.627
	10.059.293	11.880.429

24. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	334.455	744.571
Chi phí giám định bồi thường	13.565	15.186
Các chi phí khác cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	30	20
	348.050	759.777

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Thu nhập lãi từ:	4.243.238	4.220.349
- Trái phiếu	2.525.995	2.595.481
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi	1.459.474	1.337.377
- Khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm từ giá trị hoàn lại	257.769	287.491
Phân bổ phụ trội của các trái phiếu	(220.576)	(248.732)
(Lỗ)/lãi từ việc bán các chứng khoán đầu tư	(291.236)	719.025
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản đầu tư của quỹ liên kết đơn vị	342.209	1.602.425
Cổ tức	150.294	218.434
Hoạt động tài chính khác	(3.279)	(3.243)
	4.220.650	6.508.258

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Chi phí hoạt động đầu tư	202.837	196.903
Trong đó:		
- Phí quản lý đầu tư	140.918	135.838
- Chi phí khác	61.919	61.065
Quyền lợi tiền mặt định kỳ trả cho chủ hợp đồng	122.167	126.446
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5)	-	(1.955)
	325.004	321.394

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Thưởng, hỗ trợ và quyền lợi khác cho đại lý bảo hiểm	639.051	1.534.314
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, hội thảo khách hàng	81.148	169.312
Chi phí liên quan đến thu phí và quản lý hợp đồng bảo hiểm	76.146	65.641
Chi phí bán hàng khác	157.354	347.940
	953.699	2.117.207

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Chi phí nhân sự bao gồm các khoản phúc lợi cho nhân viên	713.546	719.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.985	271.863
Chi phí văn phòng phẩm, công cụ và thiết bị	172.653	58.040
Chi phí khấu hao và phân bổ	95.714	84.832
Chi phí dịch vụ từ vùng	78.921	120.416
Thuế, phí và lệ phí	3.566	3.496
Chi phí khác	9.836	45.842
	1.301.221	1.304.007

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong năm 2025 (2024: 20%).

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	226.395	331.439
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(93.188)	(155.320)
Chi phí thuế TNDN	133.207	176.119

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	811.605	1.091.988
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2024: 20%)	162.321	218.398
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	945	1.408
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(30.059)	(43.687)
Chi phí thuế TNDN	133.207	176.119

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo năm nay và kỳ báo cáo năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	444.079	351.053	93.026	155.567
Các khoản dự phòng	4.902	4.715	187	(260)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(60)	(35)	(25)	13
	<u>448.921</u>	<u>355.733</u>	<u>93.188</u>	<u>155.320</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ròng	448.921	355.733		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ			93.188	155.320

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09a – DNNT

30. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghị vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND
Prudential Corporation Holdings Limited	Công ty mẹ	Dịch vụ cung cấp cho Công ty Chi phí Công ty trả hộ Chi phí trả hộ cho Công ty	78.921 2.786 30.158	120.416 - 20.159
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments	Công ty con	Phí quản lý ủy thác đầu tư Phí quản lý quỹ Dịch vụ do Công ty cung cấp Chi phí Công ty trả hộ Phí dịch vụ khác Phí báo cáo thành tích nhanh	140.918 9.024 29 2.618 18.078 3.713	135.838 8.729 428 2.055 17.407 2.965
Eaatspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan khác	Phí thẩm định tín dụng Phí tư vấn của Công ty	5.629 -	5.464 1.459
Prudential Investment Management Private Limited	Công ty liên quan khác	Phí tư vấn	3.126	2.929
Prudential Services Asia Sdn Bhd	Công ty liên quan khác	Dịch vụ cung cấp cho Công ty	-	1.759
Prudential Services Singapore Pte Ltd	Công ty liên quan khác	Dịch vụ cung cấp cho Công ty	1.000	864
Pulse Ecosystems Pte Ltd	Công ty liên quan khác	Chi phí Công ty trả hộ	-	6.955
Prudential Assurance Co. Singapore (Pte) Limited	Công ty liên quan khác	Chi phí Công ty trả hộ	934	130
Prudential (Cambodia) Life Assurance Plc	Công ty liên quan khác	Chi phí trả hộ cho Công ty	1.045	-

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Mẫu B09-DNNT

30. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Hội đồng thành viên:

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 Triệu VND</i>
Chi phí nhân sự bao gồm các khoản phúc lợi	52.120	59.406

31. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ :

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND</i>
Được duyệt và đã ký kết hợp đồng	89.774	199.770

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Triệu VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu VND</i>
Trong vòng một năm	153.650	154.411
Trong vòng hai đến năm năm	136.731	209.748
	290.381	364.159

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09a-DNNT

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
1.	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	28,19	27,06
	Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0,22	0,25
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	71,81	72,94
2.	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	85,95	86,05
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	14,05	13,95
3.	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành			
	<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	4,62	4,33
	Khả năng thanh toán nhanh			
	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,64	0,55
		Đơn vị tính	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
4.	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,42	0,60
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,08	8,35
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	2,51	3,73

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Tạ Minh Trí
Kế toán Báo cáo

Phạm Bích Liên
Kế toán trưởng

Kevin Joong Kwon
Tổng Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2025